

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**TÊN SẢN PHẨM: FJM\_CƠM THỊT HEO CHIÊN MẮM ỚT**  
Số:188/TCB-FJM/2026

Tên công ty: CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.3942.4565 – Website: fujimart.vn



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 188/TCB-FJM/2026

**I/ Thông tin tổ chức tự công bố:**

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024-3942-4565 E-mail: thuy.nth@fujimart.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0108432911
- Sổ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP:
  - + Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam – số 58/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 67/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 30/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 132/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 13/09/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 04 /GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/01/2026, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 181/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 30/12/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 56/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 19/05/2025, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội
  - + Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam – số 67 /GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 28/05 /2026, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội

**II/ Thông tin sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: FJM\_ Cơm thịt heo chiên mắm ớt
2. Thành phần: Thịt heo (22%), măng, gạo (19%) , nước, lạc, sả, ớt (2%), dầu ăn, tỏi, đường, bột khoai tây, nước mắm (0,5%), muối, lá mùi, hành, bột ngọt, hạt nêm, tiêu.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Trong ngày
4. Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền
5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 150g, .... Quy cách có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.
  - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PA, PP, OPP/ CPP, hộp nhựa, khay nhựa, hộp giấy, túi giấy . ... được phép dùng trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
  - Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam

- Sản phẩm của Công ty: CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM  
Địa chỉ trụ sở: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 2: Tầng 1, tòa nhà Peakveiw Tower, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1 và 2, Tòa nhà Oriental Tower, 324 Tây Sơn, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 4: Tầng 2, tòa nhà Thương mại văn phòng và căn hộ Hateco Plaza, lô đất số 4A, phường Láng, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tổ hợp thương mại văn phòng cho thuê Machinco 1, số 10 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh thuộc Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 1: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 1: Số 174 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 2: Số 89 Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1, số 51 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 8: Tầng 1, 2 số 89 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 9: Số 4 Chính Kinh, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 7: Tầng 1, Tòa nhà số 15-17 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tòa nhà CT2 (The Light), Khu đô thị Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 10: Tầng 2, dự án Diamond Plaza, số 25 Lê Văn Lương, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 11: Tầng 1, tòa nhà Trung Yên 1, đường Trung Yên 1, khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 12: Số 109 Tân Mai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội

### **III/ Mẫu nhãn sản phẩm:** *Theo Thông tin mẫu nhãn đính kèm*

Mẫu nhãn sản phẩm phù hợp với:

- Nghị định số 37/2026/NĐ- CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm , hàng hóa
- Thông tư số 30/2026/TT- BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

### **IV/ Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm với:

1. Chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|----------|-------------|-----------------|
| Cd       | mg/kg       | 0,1             |
| Pb       | mg/kg       | 0,2             |

2. Độc tố vi nấm theo QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm:

| Chỉ tiêu       | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|----------------|-------------|-----------------|
| Alfatoxin B1   | µg/kg       | 2               |
| Alfatoxin tổng | µg/kg       | 4               |
| Ochratoxin A   | µg/kg       | 3               |

3. Chỉ tiêu vi sinh vật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa |
|------------------------------|-------------|-----------------|
| Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/g       | 10 <sup>4</sup> |
| Coliform                     | cfu/g       | 10              |
| Escherichia coli             | cfu/g       | 3               |
| Staphylococcus aureus        | cfu/g       | 10              |
| Clostridium perfringen       | cfu/g       | 10              |
| Bacillus cereus              | cfu/g       | 10              |
| Tổng số bào tử nấm men mốc   | cfu/g       | 10 <sup>2</sup> |
| Salmonella                   | /25g        | KPH             |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



## MẪU NHÃN DỰ KIẾN

**Tên sản phẩm:** FJM\_ Cơm thịt heo chiên mắm ớt

**Thành phần:** Thịt heo (22%), mỡ, gạo (19%), nước, lạc, sả, ớt (2%), dầu ăn, tỏi, đường, bột khoai tây, nước mắm (0,5%), muối, lá mùi, hành, bột ngọt, hạt nêm, tiêu.

**Ngày sản xuất:** xem trên bao bì

**Hạn sử dụng:** trong ngày

**Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm ăn liền

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

**Khối lượng tịnh:** xem trên bao bì

Sản phẩm của: Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam

Địa chỉ: Số 142, đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất tại: (theo địa điểm sản xuất thực tế)



| THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Nutrition facts)                        |                                  |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Thành phần dinh dưỡng<br>(Nutritional ingredients)            | Trên 100g<br>(Serving size 100g) |
| Năng lượng                                                    | 235 kcal                         |
| Carbohydrate                                                  | 27,4 g                           |
| Chất béo                                                      | 10 g                             |
| Chất béo bão hòa                                              | 2,27 g                           |
| Protein                                                       | 7,87 g                           |
| Natri                                                         | 289 mg                           |
| Đường tổng                                                    | 3,27 g                           |
| Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 70% giá trị ghi trên nhãn |                                  |



Sac Ky Hai Dang



AR-242-2026-00004063-01-VI / 242-2026-001309 - Trang 1/2

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

### CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám  
TP. Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng: X4GD2608180417-HN-TA

Mã Số Mẫu : 242-2026-00004063

Tên mẫu/ Tên sản phẩm: FJM\_Cơm Thịt heo chiên mắm ớt  
Tình trạng mẫu: Mẫu đựng trong hộp nhựa  
Ngày nhận mẫu: 18/08/2026  
Thời gian kiểm nghiệm: 18/08/2026 - 26/08/2026  
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 25/08/2026

| STT | CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM |        |                                 | ĐƠN VỊ   | PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM                                                                            | KẾT QUẢ              |
|-----|----------------------|--------|---------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1   | VW0J0                | VW     | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | cfu/g    | N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo AOAC 2014.05)                                                        | < 10<br>(LOQ=10)     |
| 2   | VW0KQ                | VW (a) | Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | cfu/g    | ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022                                                                         | 5.0x10 <sup>1</sup>  |
| 3   | VW0I8                | VW (a) | <i>Bacillus cereus</i>          | cfu/g    | AOAC 980.31                                                                                        | < 10<br>(LOQ=10)     |
| 4   | VW0JP                | VW (a) | <i>Clostridium perfringens</i>  | cfu/g    | ISO 15213-2:2023                                                                                   | < 10<br>(LOQ=10)     |
| 5   | VW0JR                | VW (a) | <i>Coliforms</i>                | cfu/g    | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                                                                     | < 10<br>(LOQ=10)     |
| 6   | VW0JG                | VW (a) | <i>Escherichia coli</i>         | cfu/g    | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)                                                                | < 1<br>(LOQ=1)       |
| 7   | VW09F                | VW (a) | <i>Salmonella spp.</i>          | /25 g    | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020                                                                         | Không phát hiện      |
| 8   | VW0GZ                | VW (a) | <i>Staphylococcus aureus</i>    | cfu/g    | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023                                                                        | < 10<br>(LOQ=10)     |
| 9   | VD157                | VD (a) | Xơ Dinh Dưỡng                   | g/100 g  | AOAC 991.43                                                                                        | 2.03                 |
| 10  | VD4P0                | VD (a) | Sucrose                         | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                                                         | 3.27                 |
| 11  | VD4P0                | VD (a) | Glucose                         | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                                                         | < 0.5<br>(LOQ=0.5)   |
| 12  | VD4P0                | VD (a) | Fructose                        | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                                                         | < 0.5<br>(LOQ=0.5)   |
| 13  | VD4P0                | VD (a) | Maltose                         | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                                                         | < 0.5<br>(LOQ=0.5)   |
| 14  | VD4P0                | VD (a) | Đường tổng                      | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                                                         | 3.27                 |
| 15  | VD4P0                | VD (a) | Lactose                         | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)                                                         | < 0.5<br>(LOQ=0.5)   |
| 16  | VD6ZP                | VD (a) | Natri (Na)                      | mg/100 g | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)                                                              | 289                  |
| 17  | VDSZT                | VD (a) | Chất béo bão hoà                | g/100 g  | EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)                                       | 2.27                 |
| 18  | VDYL7                | VD (a) | Chất béo                        | g/100 g  | Phương pháp nội bộ                                                                                 | 10.0                 |
| 19  | VW066                | VW (a) | Chất đạm                        | g/100 g  | TCVN 10034:2013                                                                                    | 7.87                 |
| 20  | VW067                | VW (a) | Ochratoxin A                    | µg/kg    | N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)                                       | < 1.5<br>(LOQ=1.5)   |
| 21  | VW072                | VW (a) | Chì (Pb)                        | mg/kg    | AOAC 2015.01                                                                                       | < 0.05<br>(LOQ=0.05) |
| 22  | VW073                | VW (a) | Cadimi (Cd)                     | mg/kg    | AOAC 2015.01                                                                                       | 0.034                |
| 23  | VW07W                | VW (a) | Tro                             | g/100 g  | N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012) | 1.15                 |

### CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

[1] Trụ sở chính: Lô E2b-3, Đường D6, Khu công nghệ cao, P. Tân Nhựt, TP. HCM. [2] Chi nhánh Cần Thơ: Đường số 8, KCN. Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

[3] Chi nhánh Miền Bắc: Unit 7A, Nhà Xưởng Cao Tầng - Toà 1, Số 2, Đường B5, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Web: www.eurofins.vn

Mã biểu mẫu: N79-P-AR-FO44032

Điện thoại: (84.28) 7107 7879

Phiên bản: 1

Email: VN01\_ASM\_HN@eurofinsasia.com

Ngày hiệu lực: 01/07/2026

AR-242-2026-00004063-01-VI / 242-2026-001309 - Trang 2/2

|    |       |                                              |            |                                                                                  |                     |
|----|-------|----------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 24 | VW083 | VW (a) Độ ẩm                                 | g/100 g    | N79-R-RD1-TP 9762 (2022) (Ref. ISO 712:2009 & TCVN 8135: 2009 & TCVN 4069: 2009) | 51.6                |
| 25 | VWHGN | VW (a) Aflatoxin B1                          | µg/kg      | N79-R-RD1-TP 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003 & TCVN 7596:2007)                  | < 1.50<br>(LOQ=1.5) |
| 26 | VWHGN | VW (a) Aflatoxin tổng số                     | µg/kg      | N79-R-RD1-TP 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003 & TCVN 7596:2007)                  | < 1.50<br>(LOQ=1.5) |
| 27 | VWL74 | VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)        | kcal/100 g | FAO 2003 77                                                                      | 235                 |
| 28 | VWWS6 | VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng) | g/100 g    | FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003                       | 27.4                |

LOQ: Giới hạn định lượng.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 27/08/2026 và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 27/08/2026

#### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu kiểm nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải tại [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD" được thực hiện bởi phòng thử nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng (Địa chỉ: Lô E2b-3, đường D6, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VE" được thực hiện bởi phòng thử nghiệm Chi nhánh Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng tại Thành phố Cần Thơ (Địa chỉ: Phòng 319, KVIP, đường số 8, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam)

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VW" được thực hiện bởi phòng thử nghiệm Chi nhánh Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng tại miền Bắc (Địa chỉ: Unit 7A, Nhà xưởng Cao Tầng - Toà 1, Số 2, Đường B5, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thử nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" được thực hiện tại các phòng thử nghiệm khác của Eurofins.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238



#### CÔNG TY TNHH EUROFINS SACKÝ HẢI ĐĂNG

[1] Trụ sở chính: Lô E2b-3, Đường D6, Khu công nghệ cao, P. Tăng Nhơn Phú, TP. HCM. [2] Chi nhánh Cần Thơ: Đường số 8, KCN. Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

[3] Chi nhánh Miền Bắc: Unit 7A, Nhà Xưởng Cao Tầng - Toà 1, Số 2, Đường B5, VSIP Bắc Ninh, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

Web: [www.eurofins.vn](http://www.eurofins.vn)

Mã biểu mẫu: N79-P-AR-FO44032

Điện thoại: (84.28) 7107 7879

Phiên bản: 1

Email: VN01\_ASM\_HN@eurofinsasia.com

Ngày hiệu lực: 01/07/2026